

Bản án số: 134/2024/HNGĐ - ST

Ngày 11-12-2024

V/v: *Không công nhận
quan hệ vợ chồng.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Xuân Vũ

Bà Trần Thị Châm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 253/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2024/QĐST – HNGĐ ngày 29-11-2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nông Thị C

Địa chỉ: Thôn L1, xã A, huyện L, tỉnh Yên Bái; *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn L1, xã A, huyện L, tỉnh Yên Bái; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nông Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị C và ông Trần Văn T tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương trên cơ sở tự nguyện năm 1994 và chung sống như vợ chồng, không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 1995 thì ông Trần Văn T bỏ

nhà đi từ đó đến nay không có tin tức gì. Do ông Trần Văn T bỏ đi lâu năm, nên bà Nông Thị C đã làm đơn yêu cầu tuyên bố mất tích. Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái đã ra Quyết định tuyên bố mất tích số: 02/2024/QĐ - TA ngày 09-8-2024 đối với ông Trần Văn T. Đến nay bà Nông Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L xử tuyên bố bà và ông Trần Văn T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nông Thị C và ông Trần Văn T có 01 con chung là Trần Ngọc Vượng, sinh ngày 07-01-1995, hiện cháu Trần Ngọc Vượng đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ với con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nông Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã niêm yết và thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông Trần Văn T tham gia tố tụng, nhưng ông Trần Văn T vắng mặt. Nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nông Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố bà và ông Trần Văn T không phải là vợ chồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nông Thị C và ông Trần Văn T.

Về án phí và quyền kháng cáo, đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã A, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố ông Trần Văn T mất tích, Tòa án nhân dân huyện L đã nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo tìm kiếm ông Trần Văn T trên phương tiện thông tin đại chúng. Nhưng việc triệu tập ông Trần Văn T không có kết quả. Nên trong vụ án này, việc thực hiện tổng đạt cho đương sự theo thủ tục chung là không thể thực hiện được. Tòa án vận dụng quy định

tại mục 9 phần IV Công văn số: 01/2017/GĐ - TANDTC ngày 07-4-2017 để giải quyết vắng mặt bị đơn mà không thực hiện việc tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nữa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn, bà Nông Thị C thể hiện: Bà và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn. Lời khai của bà Nông Thị C phù hợp với nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A, huyện L và nội dung các Biên bản xác minh tại cơ sở về tình trạng hôn nhân của các đương sự. Nên có đủ căn cứ để khẳng định bà Nông Thị C và ông Trần Văn T chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Nông Thị C và ông Trần Văn T không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nông Thị C và ông Trần Văn T.

[2.2] Về con chung: Hai người có một con chung là Trần Ngọc V - sinh ngày 07-01-1995. Do con chung của các đương sự đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nông Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nông Thị C và ông Trần Văn T.

2. Về án phí: Bà Nông Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai số: AA/2024/0001251 ngày 01-11-2024 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái. Xác nhận bà Nông Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nông Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã A;
- Các đương sự, niêm yết;
- Lưu HS,T.A,THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Dũng

